



Thứ hai, ngày 7 tháng 1 năm 2019

Vietnam Daily Review

Tâm lí cải thiện

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 8/1/2019		•	
Tuần 7/1-11/1/2019		•	
Tháng 1/2019		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index tăng mạnh trong phiên sáng, đã tăng được cải thiện trong phiên chiều.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VNM (+3.23 điểm); GAS (+1.06 điểm); BID (+0.79 điểm); MSN (+0.72 điểm); VIC (+0.39 điểm)
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm NVL (-0.33 điểm); CTG (-0.23 điểm); HPG (-0.23 điểm); PME (-0.09 điểm); VCI (-0.07 điểm)
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu dịch vụ và thép, thanh khoản giảm nhẹ so với phiên trước.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 1743.6 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 11.33 điểm. Thị trường có 195 mã tăng và 95 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 8.74 điểm, đóng cửa tại 889.64 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index tăng 1.08 điểm lên 101.93 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng 44.51 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VJC (45.35 tỷ), VIC (23.61 tỷ) và NVL (9.5 tỷ). Tuy nhiên, họ mua ròng 10.17 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Tâm lí hưng phấn chung của thị trường thế giới đã giúp chỉ số VN - Index trong phiên sáng tăng mạnh. Lực mua tập trung mạnh ở các mã Bluechips như VNM, MSN, VRE, SAB, MWG, nhóm dầu khí như GAS, PLX, PVS và nhóm ngân hàng như BID, VCB, CTG và TCB. Đến phiên chiều, lực mua có phần suy yếu khiến chỉ số có mức tăng nhẹ so với phiên sáng. Chỉ số trong phiên giảm có quanh mốc 886- 887 với sự đảo chiều tăng điểm đáng chú ý của VIC và VHM và CTG quay đầu giảm điểm. Khối ngoại bán ròng nhẹ trong phiên hôm nay. Theo quan điểm của BSC, thị trường tiếp tục có một phiên hồi phục tích cực do giá dầu tiếp tục đà hồi phục, các tiến bộ từ cuộc đàm phán Trung- Mỹ và khả năng FED chậm tăng lãi suất trong 2019. Nhà đầu tư nên theo dõi các diễn biến kinh tế vĩ mô thế giới và vận động của thị trường ở các phiên tiếp theo trước khi xem xét mở vị thế giao dịch nếu thị trường vượt qua mốc tâm lí 900 điểm và thanh khoản hồi phục.

Phân tích kỹ thuật:

GEX_Tích lũy

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX **889.64**
Giá trị: 1743.63 tỷ **8.74 (0.99%)**
Khối ngoại (ròng): -44.51 tỷ

HNX-INDEX **101.93**
Giá trị: 266.3 tỷ **1.08 (1.07%)**
Khối ngoại (ròng): 10.17 tỷ

UPCOM-INDEX **52.42**
Giá trị: 102.89 tỷ **0.23 (0.44%)**
Khối ngoại (ròng): -5 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	49.0	2.21%
Giá vàng	1,292	0.51%
Tỷ giá USD/VND	23,197	-0.07%
Tỷ giá EUR/VND	26,544	0.39%
Tỷ giá JPY/VND	21,467	0.31%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	4.4%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	57.3	VJC	45.4
CTD	15.4	VIC	23.6
STB	11.3	NVL	9.5
VRE	5.5	DXG	5.8
BID	4.5	CII	4.6

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Danh mục khuyến nghị	Trang 3
Cổ phiếu lớn	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

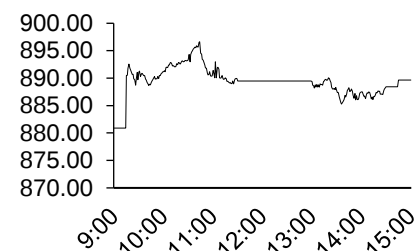
Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

Lê Quốc Trung

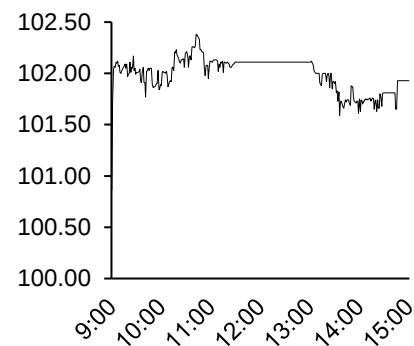
trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1901	842.0	1.0%	-12.0%
VN30F1903	840.1	0.9%	-16.5%
VN30F1903	840.6	1.0%	-17.6%
VN30F1906	840.6	1.0%	-17.6%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	131	4.8	4.4
MSN	78	2.6	1.7
STB	12	3.1	1.0
VPB	19	1.6	0.9
VRE	28	1.5	0.7

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	29	-1	-0.7
NVL	62	-2	-0.6
CTG	18	-1	-0.1
CII	26	0	0.0
KDC	23	0	0.0

Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
VNM	5.1	131.0	120	135	MUA	Tăng giá kéo dài
ROS	4.8	36.0	35	44	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
MBB	3.4	19.0	18	23	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
HPG	3.2	29.4	29	31	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
VJC	3.2	116.0	114	134	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
CTG	3.2	18.2	18	24	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
VCB	2.8	54.6	51	58	MUA MẠNH	Giảm giá kéo dài
STB	1.8	11.5	11	13	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
ACB	1.6	28.7	26	30	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
TCB	1.6	25.1	23	29	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài

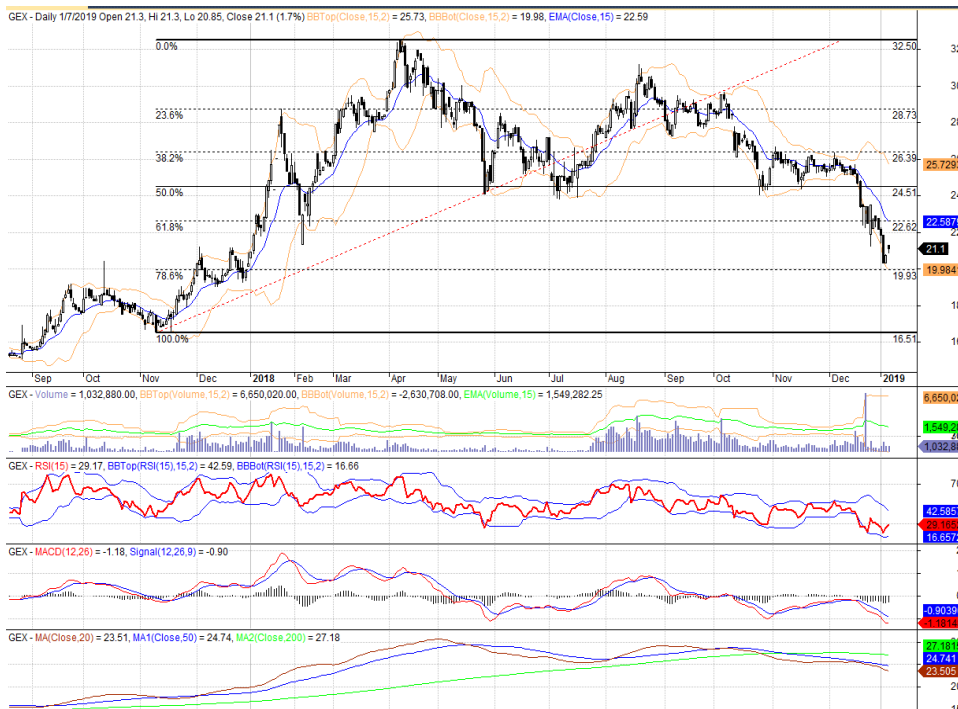
Phân tích kỹ thuật

GEX_Tích lũy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD đi ngang
- Chỉ báo RSI: Vùng quá bán, RSI xu hướng tăng.
- Đường MA: 3 đường MA đều trong đà giảm.

Nhận định: GEX đã chạm ngưỡng đáy 20.35 sau nhịp điều chỉnh từ vùng giá 30. Cổ phiếu đã quay lại vùng hỗ trợ từ cuối năm 2017. Thanh khoản cổ phiếu vẫn nằm ở dưới mức trung bình cho thấy hoạt động giao dịch mạnh trong đà điều chỉnh đã chấm dứt. Trong khi chỉ số RSI đang báo hiệu tín hiệu hồi phục từ vùng quá bán, chỉ báo MACD cho thấy cổ phiếu đã có tín hiệu thoát khỏi giai đoạn điều chỉnh. Vận động 3 đường MA chưa phản ánh đà hồi phục của cổ phiếu nên vẫn nằm trong xu hướng giảm. Như vậy, GEX sẽ tích lũy trong vùng giá hỗ trợ 19-21 trước khi xác định xu hướng hồi phục mới.



Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	REE	20/7/2018	32.70	30.20	-7.6%	30.1	37.6
2	HT1	22/8/2018	12.60	13.60	7.9%	11.6	14.5
3	PTB	10/4/2018	64.00	59.60	-6.9%	58.9	73.6
Trung bình					-2.2%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	HCM	18/09/2017	41.9	44.60	6.4%	39.8	50.3
2	CTD	25/12/2018	157.6	160.00	1.5%	149.7	189.1
Trung bình					4.0%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	TCB	31/10/2018	26.9	25.1	-6.7%	25.0	30.0
2	POW	12/4/2018	15.6	16.0	2.6%	14.4	18.7
Trung bình					-2.1%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	85.0	1.7%	0.7	1,591	1.5	6,481	13.1	4.5	49.0%	41.2%
PNJ	Bán lẻ	91.4	1.6%	1.0	664	0.9	5,428	16.8	4.4	49.0%	30.0%
BVH	Bảo hiểm	88.6	0.0%	1.3	2,700	0.4	1,728	51.3	4.3	24.8%	8.4%
PVI	Bảo hiểm	32.5	0.0%	0.8	327	0.0	2,265	14.4	1.1	43.9%	7.8%
VIC	Bất động sản	101.0	0.4%	1.0	14,015	2.6	1,366	73.9	5.9	9.3%	10.3%
VRE	Bất động sản	27.9	1.5%	1.1	2,825	1.1	646	43.2	2.5	31.4%	5.7%
NVL	Bất động sản	62.0	-1.9%	0.8	2,508	1.9	2,368	26.2	3.2	7.3%	14.2%
REE	Bất động sản	30.2	1.3%	1.1	407	0.2	5,068	6.0	1.1	49.0%	19.1%
DXG	Bất động sản	23.0	1.1%	1.5	349	1.0	3,042	7.5	1.7	48.1%	25.9%
SSI	Chứng khoán	26.1	0.2%	1.3	577	0.8	2,899	9.0	1.4	58.9%	15.8%
VCI	Chứng khoán	41.5	-3.3%	1.0	294	0.1	4,289	9.7	2.2	41.3%	30.5%
HCM	Chứng khoán	44.6	0.5%	1.4	251	0.2	6,094	7.3	1.9	61.6%	27.8%
FPT	Công nghệ	41.8	1.7%	0.9	1,115	0.7	5,322	7.9	2.2	49.0%	28.9%
FOX	Công nghệ	50.5	0.0%	0.4	497	0.0	3,453	14.6	3.8	0.2%	26.5%
GAS	Dầu khí	86.3	2.1%	1.5	7,181	1.0	6,473	13.3	3.9	3.4%	30.6%
PLX	Dầu khí	55.2	0.5%	1.5	2,781	0.5	3,285	16.8	3.3	10.9%	19.5%
PVS	Dầu khí	17.8	2.3%	1.7	370	2.2	1,747	10.2	0.8	20.5%	7.8%
BSR	Dầu khí	13.2	0.0%	0.8	1,779	0.8	#N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
DHG	Dược	75.0	2.0%	0.5	426	0.2	4,037	18.6	3.3	49.0%	18.3%
DPM	Hóa chất	21.8	0.9%	0.8	371	0.2	1,492	14.6	1.1	21.6%	8.1%
DCM	Hóa chất	9.9	0.4%	0.7	228	0.1	997	9.9	0.8	4.0%	8.6%
VCB	Ngân hàng	54.6	0.4%	1.3	8,541	2.8	3,360	16.2	3.2	20.8%	20.9%
BID	Ngân hàng	32.3	2.4%	1.6	4,801	1.1	2,401	13.5	2.2	3.1%	17.4%
CTG	Ngân hàng	18.2	-1.1%	1.7	2,938	3.2	2,064	8.8	1.0	29.5%	11.7%
VPB	Ngân hàng	19.3	1.6%	1.2	2,056	1.4	2,820	6.8	1.6	23.2%	26.9%
MBB	Ngân hàng	19.0	1.9%	1.3	1,780	3.4	2,366	8.0	1.3	20.0%	17.4%
ACB	Ngân hàng	28.7	1.4%	1.2	1,556	1.6	3,498	8.2	1.8	34.3%	25.0%
BMP	Nhựa	49.3	0.8%	0.9	175	0.2	5,586	8.8	1.6	76.8%	18.5%
NTP	Nhựa	40.5	0.7%	0.4	157	0.0	3,938	10.3	1.7	23.0%	16.6%
MSR	Tài nguyên	18.2	0.6%	1.2	712	0.0	229	79.5	1.4	2.1%	1.8%
HPG	Thép	29.4	-1.2%	1.0	2,710	3.2	4,334	6.8	1.6	39.2%	26.7%
HSG	Thép	6.4	4.1%	1.5	107	0.4	1,065	6.0	0.5	15.7%	8.0%
VNM	Tiêu dùng	131.0	4.8%	0.7	9,918	5.1	4,997	26.2	9.0	59.3%	35.2%
SAB	Tiêu dùng	244.0	0.3%	0.8	6,803	0.1	6,902	35.3	9.4	9.8%	28.5%
MSN	Tiêu dùng	78.2	2.6%	1.2	3,955	1.1	5,416	14.4	4.7	40.3%	30.9%
SBT	Tiêu dùng	20.3	1.3%	0.6	436	0.8	869	23.3	1.7	11.1%	11.3%
ACV	Vận tải	85.5	0.1%	0.8	8,093	0.3	1,883	45.4	6.8	3.6%	15.9%
VJC	Vận tải	116.0	0.9%	1.1	2,732	3.2	9,463	12.3	5.9	23.3%	67.1%
HVN	Vận tải	35.5	2.0%	1.7	1,895	0.8	1,727	20.6	2.9	9.4%	14.6%
GMD	Vận tải	25.7	0.6%	0.9	332	0.3	6,311	4.1	1.3	49.0%	30.8%
PVT	Vận tải	16.0	0.6%	0.7	196	0.1	2,165	7.4	1.2	33.3%	16.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	65.3	0.5%	1.0	445	0.9	5,620	11.6	3.7	2.5%	43.2%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.2	1.7%	0.9	355	0.6	1,179	15.4	1.3	24.6%	8.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.6	2.6%	0.8	226	0.1	1,599	8.5	1.0	5.7%	12.2%
CTD	Xây dựng	160.0	0.3%	0.8	544	1.0	20,202	7.9	1.5	46.2%	21.1%
VCG	Xây dựng	23.0	5.0%	1.2	442	1.5	2,384	9.6	1.6	0.0%	17.6%
CII	Xây dựng	25.5	0.0%	0.6	275	0.6	332	76.7	1.3	56.4%	1.7%
POW	Điện	16.0	0.0%	0.6	1,629	4.5	1,026	15.6	1.4	73.0%	9.1%
NT2	Điện	25.9	0.0%	0.6	324	0.1	2,874	9.0	2.0	21.9%	19.8%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	131.00	4.80	3.24	897430.00
GAS	86.30	2.13	1.07	255840.00
BID	32.30	2.38	0.79	806060.00
MSN	78.20	2.62	0.72	336380.00
VIC	101.00	0.40	0.40	589150.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVL	62.00	-1.90	-0.34	721650.00
CTG	18.15	-1.09	-0.23	3.98MLN
HPG	29.35	-1.18	-0.23	2.49MLN
PME	56.00	-6.67	-0.09	27170.00
VCI	41.50	-3.26	-0.07	39200.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HVG	5.05	6.99	0.02	194220.00
DRL	49.85	6.97	0.01	10.00
L10	27.70	6.95	0.01	1180.00
RDP	11.55	6.94	0.01	110.00
CLL	26.20	6.94	0.02	10.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NAV	7.99	-6.98	0.00	460.00
VPS	10.70	-6.96	-0.01	1220.00
VNL	16.75	-6.94	0.00	1040.00
CIG	3.37	-6.91	0.00	100.00
SJF	6.49	-6.89	-0.01	118030.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	28.70	1.41	0.50	1.31MLN
SHB	7.20	2.86	0.21	2.73MLN
PVS	17.80	2.30	0.10	2.81MLN
VCG	23.00	5.02	0.07	1.57MLN
VGC	18.20	1.68	0.06	728500.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
OCH	6.10	-8.96	-0.06	3000.00
PHP	11.10	-9.02	-0.04	2100.00
PTI	16.10	-5.29	-0.02	2100.00
L14	33.50	-4.29	-0.02	41700.00
AMV	35.90	-2.97	-0.02	52500.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

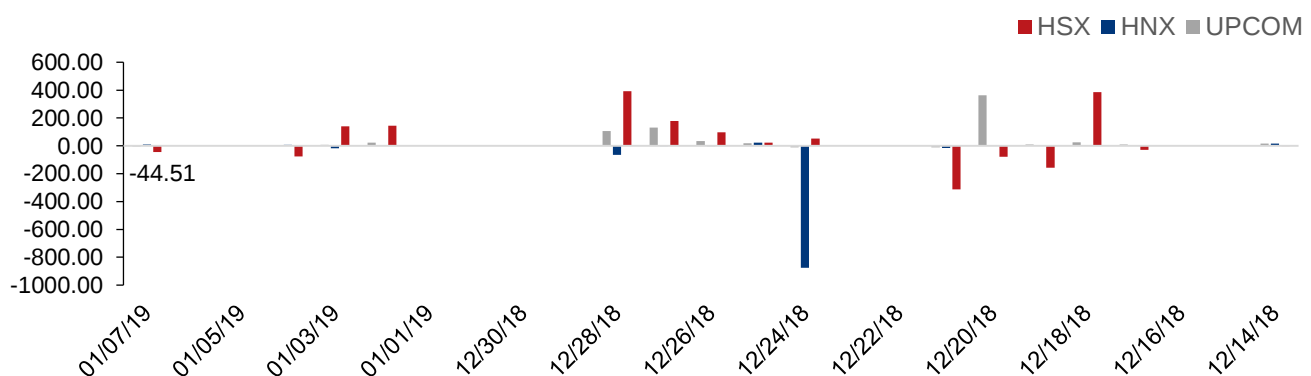
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVV	0.50	25.00	0.00	46700.00
BII	0.90	12.50	0.01	15300.00
VC9	11.00	10.00	0.01	100.00
CAN	24.80	9.73	0.01	100.00
RCL	25.00	9.65	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TMX	8.30	-9.78	0.00	100.00
SDD	1.90	-9.52	0.00	32200.00
NHC	31.60	-9.46	-0.01	100.00
BAX	23.00	-9.45	-0.01	1600.00
PHP	11.10	-9.02	-0.04	2100.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
###	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
###	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
###	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
###	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
###	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
###	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
###	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
###	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
###	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11	Phân tích vĩ mô		Click	
###	Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng	Phân tích vĩ mô		Click	
###	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
###	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
###	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
###	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
###	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
###	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
###	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
###	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
###	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
###	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
###	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	14.7	157	93.5	1.3	Click	
###	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	25.9	2,874	9.0	2.0	Click	
###	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	14.0	1,102	12.7	1.1	Click	
###	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	25.0	-2,092	#N/A	2.0	Click	
###	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	28.7	3,498	8.2	1.8	Click	
###	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	40.2	5,746	7.0	1.3	Click	
###	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	15.2	1,087	14.0	1.3	Click	
###	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	16.0	2,165	7.4	1.2	Click	
###	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	29.4	4,334	6.8	1.6	Click	
###	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	23.0	3,042	7.5	1.7	Click	
###	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	16.2	3,200	5.1	1.1	Click	
###	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	28.3	5,796	4.9	1.5	Click	
###	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	41.8	5,322	7.9	2.2	Click	
###	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	54.6	3,360	16.2	3.2	Click	
###	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	17.8	1,747	10.2	0.8	Click	
###	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	19.0	2,366	8.0	1.3	Click	
###	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	160.0	20,202	7.9	1.5	Click	
###	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	4.7	-370	#N/A	0.3	Click	
###	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	81.5	18,132	4.5	1.2	Click	
###	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	91.4	5,428	16.8	4.4	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cần trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

